



## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### I. Giới thiệu:

##### 1. Mô tả tóm tắt về dự án

**1.1. Tên dự án:** Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32-Km89+513, Quốc lộ 24

**1.2. Tên gói thầu:** Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập mô hình thông tin công trình (BIM)

**1.3. Nhóm, loại công trình:** Dự án nhóm B, công trình giao thông

**1.4. Địa điểm xây dựng:** Các xã Ba Tơ, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Vì và xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.

##### 1.5. Phạm vi đầu tư:

- Điểm đầu: Km32+00 thuộc xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điểm cuối: Km89+513 thuộc xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.
- Tổng chiều dài tuyến đầu tư khoảng 48,4Km đi qua địa phận các xã: Ba Tơ, Ba Tô, Ba Dinh, Ba Vì và xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi.

##### 1.6. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III, cấp IV miền núi (TCVN 4054:2005); với các thông số chủ yếu như sau:

- Chiều dài xây dựng tuyến:  $L = 48,4$  Km.
- Tốc độ thiết kế:  $V = 40$  km/h -  $60$  Km/h.
- Bề rộng nền đường:  $B_n = 9,0$ m. Trong đó:
  - + Bề rộng mặt đường + lề gia cố:  $B_m = 8,0$ m.
  - + Bề rộng lề đất:  $B_l = 1,0$ m.
- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa A1, bê tông xi măng trên móng cấp phối đá dăm.
- Tải trọng thiết kế cầu, cống hộp lớn HL93; tải trọng thiết kế cống H30; tần suất thiết kế cầu lớn, cầu trung  $P = 1\%$ ; nền đường, cầu nhỏ và cống  $P = 4\%$ . Bề rộng cầu, cống phù hợp với khổ nền đường.

##### 2. Mô tả khái quát về gói thầu:

- Tên gói thầu: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập mô hình thông tin công trình (BIM)
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Nguồn vốn: Vốn ngân Trung ương (khoảng 2.000 tỷ đồng) và ngân sách địa phương (khoảng 350 tỷ đồng).
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

### **3. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:**

Tuyển chọn nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế - kỹ thuật và tiến độ.

## **II. Phạm vi công việc:**

### **1. Nội dung và khối lượng công tác khảo sát**

Trên cơ sở tìm tuyến cũng như quy mô đã được UBND tỉnh phê duyệt,... cùng các quy định của các quy trình, quy phạm hiện hành, thực hiện các công việc khảo sát phục vụ cho công tác lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

#### **1.1. Công tác điều tra, thu thập số liệu, tài liệu liên quan:**

- Cập nhật các Đồ án quy hoạch có liên quan đến dự án (*Các quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng...*);

- Điều tra, thu thập về quy hoạch thủy lợi, kênh mương tưới tiêu, các công trình có liên quan: Giao thông, thủy lợi, thủy điện và công trình khác;

- Điều tra, thu thập các tài liệu về hệ thống điện, cấp nước và thoát nước, công trình ngầm nổi trong khu vực dự án.

- Điều tra các loại chi phí sản xuất liên quan đến hoạt động GTVT ở tỉnh Quảng Ngãi;

- Cập nhật đơn giá, báo giá tại địa phương để phục vụ lập dự toán các loại chi phí;

- Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu về nguồn nguyên vật liệu, vật tư, năng lượng phục vụ xây dựng.

- Điều tra bãi thải: Điều tra vị trí, cự ly, diện tích và trữ lượng có thể đổ thải vật liệu dư. Thể hiện rõ phạm vi và vị trí trên bản đồ và có văn bản thống nhất với chính quyền địa phương.

- Làm việc với địa phương và các cơ quan liên quan để thỏa thuận đấu nối các công trình trên tuyến và các nội dung khác.

- Thu thập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000, mốc mặt bằng và độ cao nhà nước.

- Thị sát tuyến trên thực địa: Thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại mục 7.1.2.1 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Điều tra thu thập số liệu về kinh tế - xã hội: Thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại mục 7.4 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Điều tra, khảo sát về môi trường: Thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại mục 7.5 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

#### **1.2. Khảo sát địa hình:**

##### **a. Phân cấp địa hình:**

Trên cơ sở hướng tuyến trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được phê duyệt kết hợp bản đồ tỷ lệ lớn và quy định phân cấp địa hình để xác định cấp địa hình cho các công tác khảo sát. Cụ thể như sau:

- Đoạn Km32 - Km50+500 tuyến bám theo Quốc lộ 24 hiện trạng. Hai bên tuyến chủ yếu là dân cư, ruộng lúa và đồi núi thấp, độ cao trong khoảng 50-150m.

Lựa chọn cấp địa hình chung khảo sát là cấp III.

- Đoạn Km50+500 - Km64+200 tuyến đi mới hoàn toàn (tránh đèo Violak), đoạn Km64+200 - Km80+400 (Km89+513) tuyến đi cắt qua lại Quốc lộ 24 hiện trạng. Hai bên tuyến chủ yếu là đất rừng, đất sản xuất và một số điểm dân cư nhỏ, địa hình chia cắt mạnh, độ cao trong khoảng 150-1.200m. Lựa chọn cấp địa hình chung khảo sát là cấp V.

**b. Khảo sát lưới khống chế mặt bằng & độ cao:**

**b.1. Lưới khống chế tọa độ hạng IV(GPS):**

- Lưới khống chế mặt bằng hạng IV được thực hiện bằng công nghệ GNSS tĩnh, phát triển từ các điểm gốc thuộc lưới tọa độ quốc gia hạng III trở lên (TCVN 9401 : 2012).

- Quy cách mốc thực hiện theo các nội dung được quy định tại phụ lục A của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Khoảng cách giữa các điểm hạng IV từ 1 km đến 5 km. Dự kiến trung bình 3km/1điểm.

**b.2. Lưới độ cao hạng IV:**

- Các điểm cao độ hạng IV được bố trí đồng thời là các điểm tọa độ hạng IV và có cùng số hiệu điểm.

- Lưới độ cao hạng IV được tiến hành đo đạc theo phương pháp đo cao hình học hoặc dùng phương pháp đo cao khác có độ chính xác tương đương. Các yêu cầu kỹ thuật được thực hiện theo các nội dung được quy định tại mục 4.7.4 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

**b.3. Lưới đường chuyền cấp 2:**

- Lưới đường chuyền cấp 2 được đo đạc bằng máy toàn đạc điện tử theo phương pháp đo góc, cạnh (máy có độ chính xác được quy định tại mục 4.7.3.1 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN) hoặc đo theo công nghệ GNSS tĩnh bằng các máy đo GPS (TCVN 9401 : 2012).

- Quy cách mốc thực hiện theo các nội dung được quy định tại phụ lục A của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Khoảng cách giữa các điểm đường chuyền cấp 2 từ 80m đến 350m. Mật độ điểm đường chuyền cấp 2 dự kiến trung bình 200m/1 điểm.

**b.4. Lưới độ cao thủy chuẩn kỹ thuật:**

- Các điểm độ cao thủy chuẩn kỹ thuật được bố trí đồng thời là các điểm tọa độ đường chuyền cấp 2 và có cùng số hiệu điểm.

- Lưới độ cao thủy chuẩn kỹ thuật được tiến hành đo đạc theo phương pháp đo cao hình học hoặc dùng phương pháp đo cao khác có độ chính xác tương đương. Các yêu cầu kỹ thuật được thực hiện theo các nội dung được quy định tại mục 4.7.5 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

**c. Khảo sát các tuyến:**

**c.1. Phóng tuyến hiện trường:**

- Trên cơ sở hướng tuyến xác định trên bản đồ, tiến hành phóng tuyến hiện trường. Hướng tuyến xác định phải phù hợp với điều kiện địa hình và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường thiết kế.

- Phóng tuyến hiện trường bao gồm: Xác định và đóng các cọc điểm đầu dự án, đỉnh đường cong nằm, điểm cuối dự án.

### **c.2. Đo bình đồ tuyến:**

- Đo đạc, lập bình đồ khu vực dự kiến đặt tuyến tỷ lệ 1/2000, đường đồng mức 2m.

- Thiết bị và dụng cụ dùng đo đạc bình đồ phải đảm bảo yêu cầu về độ chính xác và các quy định tại phụ lục B của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Nội dung của bình đồ địa hình cần thể hiện các yếu tố sau: đường đồng mức và độ cao của tất cả các điểm đặc trưng; hệ thống lưới khống chế mặt bằng và độ cao; nhà cửa và các công trình xây dựng, giao thông, hệ thống thủy lợi, đường ống, đường dây cao thế, điện thoại, hồ ao, sông ngòi... và các hiện tượng địa chất quan sát được như các hiện tượng đứt gãy, sụt lún, cát tơi... Mức độ chi tiết của bình đồ tùy thuộc vào tỷ lệ thành lập bình đồ, tuân thủ theo TCVN 9398: 2012.

- Phạm vi đo vẽ bình đồ tuyến phải đủ rộng để có thể kết hợp với lập hồ sơ cắm cọc GPMB, MLG đường bộ và chỉnh lý cục bộ tuyến khi cần thiết. Dự kiến đoạn Km32 - Km50+500 đo từ tim tuyến sang mỗi bên 30m, đoạn Km50+500 - Km80+400 (Km89+513) đo từ tim tuyến sang mỗi bên 40m.

### **c.3. Đo mặt cắt dọc tuyến:**

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến: Tỷ lệ: dài 1/2.000; cao 1/200.

- Sử dụng máy toàn đạc điện tử, máy thủy bình, thước thép và các thiết bị chuyên dụng kèm theo để đo mặt cắt dọc tuyến. Đo mặt cắt dọc tuyến bao gồm các công tác rải cọc cơ bản của tuyến như cọc H, cọc Km; cọc chủ yếu của đường cong (TĐ, TC, PG - với đường cong tròn đơn và các cọc NĐ, NC - với đường cong có bố trí đường cong chuyên tiếp); cọc chi tiết... kết hợp đo cao, đo dài.

- Khoảng cách rải cọc dự kiến trung bình 20m/cọc, đoạn Km32 - Km50+500 dự kiến trung bình 25m/cọc.

### **c.4. Đo mặt cắt ngang tuyến:**

- Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến tỷ lệ: 1/200.

- Đo vẽ mặt cắt ngang ở tất cả các cọc chi tiết và cọc chủ yếu của tuyến, có thể đo bằng máy thủy bình kết hợp với thước đo dài hoặc máy toàn đạc điện tử và đảm bảo độ chính xác theo các quy định hiện hành. Yêu cầu kỹ thuật đo vẽ mặt cắt ngang tuyến phải đảm bảo các quy định tại mục 7.1.2.7 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

- Phạm vi đo vẽ mặt cắt ngang tuyến dự kiến trung bình từ tim tuyến ra mỗi bên 40m, đoạn Km32 - Km50+500 dự kiến trung bình từ tim tuyến ra mỗi bên 30m.

### **d. Khảo sát cầu:**

Các vị trí và khẩu độ cầu dự kiến xây dựng được đề xuất trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gồm:

TT	Lý trình	Hiện trạng	Thiết kế mới	Ghi chú
----	----------	------------	--------------	---------

		Khẩu độ	Khẩu độ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
<b>I</b>	<b>Phân đoạn: Km32+0.00 - Km50+500.00</b>			<b>1.584</b>	
1	Km35+450,00	Cầu nước Lang, Ln=3x15m	48	522	
2	Km41+950,00	Cầu Km41+950, Ln=2x6m	15	225	
3	Km45+660,00	Cầu nước Xi, Km45+660, Ln=21m	24	306	
4	Km46+328,00	Cầu Km46+328, Ln=3x6m	24	306	
5	Km46+702,00	Cầu Tó 1, Km46+702, Ln=2x6m	15	225	
<b>II</b>	<b>Phân đoạn: Km50+500.00 - Km64+200.00</b>			<b>4.311</b>	
1	Km50+800,00		165	1.575	Cầu sông Re 1 hiện trạng 6x21m
2	Km54+600,00		99	981	
3	Km57+250,00		66	684	Cầu cạn
4	Km58+100,00		66	684	Cầu cạn
5	Km60+800,00		33	387	Cầu cạn (vị trí ống thủy điện)
<b>III</b>	<b>Phân đoạn: Km64+200.00 - Km80+400.00</b>			<b>387</b>	
1	Km74+859,00	Cầu la Khơ Léch, Ln=1x21m	33	387	
<b>Tổng diện tích cầu thiết kế mới</b>				<b>6.282</b>	

#### **d.1. Đo bình đồ cầu:**

- Đo đạc, lập bình đồ cầu trên cơ sở tìm tuyến và vị trí cầu đã xác định:
  - + Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L \leq 100m$ : Lập bình đồ cầu tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0.5m.
  - + Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L > 100m$ : Lập bình đồ cầu tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m.
- Thiết bị, phương pháp đo vẽ, nội dung, mức độ chi tiết của bình đồ tương tự như lập bình đồ tuyến.
- Phạm vi đo vẽ bình đồ cầu dự kiến như sau:
  - + Đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 50m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi mố dự kiến về mỗi phía 30m, từ tim cầu về thượng hạ lưu mỗi phía 50m.
  - + Đối với cầu có chiều dài từ 50m đến 100m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi mố dự kiến về mỗi phía 50m, từ tim cầu về thượng hạ lưu mỗi phía 50m.
  - + Đối với cầu có chiều dài từ 100m đến 300m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi mố dự kiến về mỗi phía 100m, từ tim cầu về thượng hạ lưu mỗi phía 75m.

#### **d.2. Đo mặt cắt dọc cầu:**

- Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu cầu với tỷ lệ như sau: Tỷ lệ: dài 1/1000; cao 1/100.
- + Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L \leq 100m$ : Lập mặt cắt dọc tim cầu tỷ lệ:

dài 1/500; cao 1/50.

+ Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L > 100\text{m}$ : Lập mặt cắt dọc tim cầu tỷ lệ: dài 1/1000; cao 1/100.

- Thiết bị, phương pháp đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu tương tự như đo vẽ mặt cắt dọc tuyến.

- Phạm vi đo vẽ mặt cắt dọc tuyến dự kiến như sau:

+ Đối với cầu có chiều dài nhỏ hơn 50m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi móng dự kiến về mỗi phía 30m.

+ Đối với cầu có chiều dài từ 50m đến 100m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi móng dự kiến về mỗi phía 50m.

+ Đối với cầu có chiều dài từ 100m đến 300m: Phạm vi đo vẽ từ đuôi móng dự kiến về mỗi phía 100m.

### **d.3. Đo mặt cắt ngang cầu:**

- Đo vẽ mặt cắt ngang cầu tỷ lệ: 1/200.

- Thiết bị, phương pháp đo vẽ mặt cắt ngang cầu tương tự như đo vẽ mặt cắt ngang tuyến.

- Phạm vi đo vẽ mặt cắt ngang cầu dự kiến như sau:

+ Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L \leq 100\text{m}$ : Phạm vi đo vẽ từ tim sang mỗi bên 50m.

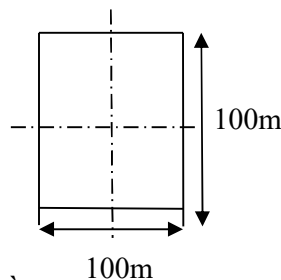
+ Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L > 100\text{m}$ : Phạm vi đo vẽ từ tim sang mỗi bên 75m.

### **e. Khảo sát nút giao:**

- Để có giải pháp lựa chọn mô hình thiết kế nút giao hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế và thuận lợi cho thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, cần phải đo vẽ bình đồ các vị trí nút giao trên tuyến tỷ lệ 1/1000, đường đồng mức 1m.

- Thiết bị, phương pháp đo vẽ, nội dung, mức độ chi tiết của bình đồ tương tự như lập bình đồ tuyến.

- Phạm vi đo dự kiến của một nút giao thông thường từ tim mỗi đường sang mỗi bên 50m.



Hình vẽ: Sơ họa mặt bằng khảo sát nút giao ( $S=1\text{ha}/1\text{nút}$ )

## **1.2. Khảo sát thủy văn:**

### **a. Thu thập các số liệu, tài liệu:**

Thu thập các số liệu về khí tượng, thủy văn cần thiết của các trạm khí tượng; trạm thủy, hải văn trong khu vực có liên quan đến công trình như: lượng mưa, các

đặc trưng mực nước, lưu lượng, vận tốc,...để phục vụ cho công tác tính toán thủy lực, thủy văn công trình:

- Thu thập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 (hoặc 1/50.000), đưa hướng tuyến và các vị trí công trình vào bản đồ.

- Thu thập tài liệu khí tượng, thủy văn:

- + Tài liệu khí tượng: Thu thập số liệu các đặc trưng khí hậu trong khu vực (gió, nhiệt độ, độ ẩm, mây, mưa, dông...) của các trạm khí tượng Quảng Ngãi. Mua số liệu mưa 1 ngày lớn nhất tất cả các năm quan trắc của trạm khí tượng Quảng Ngãi.

- + Tài liệu thủy văn: Cập nhật hoặc mua số liệu mực nước lớn nhất, trung bình, nhỏ nhất tháng, năm của tất cả các năm quan trắc, mực nước giờ trận lũ lớn nhất tại trạm thủy văn Quảng Ngãi của các năm gần đây.

- Thu thập số liệu về các hồ đập, kênh mương tưới tiêu, đê điều, đường thủy có các phương tiện vận tải đi lại trên sông trong khu vực (nếu có): Thực hiện theo các nội dung quy định tại mục 7.2.2 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

#### **b. Khảo sát thủy văn dọc tuyến:**

- Đối với tuyến qua khu vực thông thường: Điều tra các cụm mực nước tại các vị trí công trình dọc theo tuyến và các đoạn tuyến bị ngập. Dự kiến cách khoảng 1 km điều tra 1 cụm mực nước, mỗi cụm mực nước điều tra bao gồm:

- + Mực nước lũ 3 năm lớn nhất, nguyên nhân và thời gian xuất hiện.

- + Mực nước lũ trung bình.

- + Mực nước thấp nhất.

- + Mực nước lúc khảo sát.

- Đối với tuyến đi ven sông suối, hồ đập: Thực hiện theo các nội dung quy định tại mục 7.2.5.1 của TCCS 31: 2020/TCĐBVN.

#### **c. Khảo sát thủy văn công trình thoát nước nhỏ:**

- Theo các phương án tuyến đã chọn, kiểm tra và bổ sung những vị trí sẽ bố trí các công trình thoát nước. Trên bản vẽ bình đồ và mặt cắt dọc tuyến, đánh dấu các vị trí công trình thoát nước và dựa vào bản đồ địa hình khoanh lưu vực tự nước cho mỗi công trình.

- Điều tra các cụm mực nước tại các vị trí công trình: Dự kiến mỗi vị trí công trình điều tra 1 cụm mực nước kết hợp các mực nước dọc tuyến:

- + Mực nước lũ 3 năm lớn nhất, nguyên nhân và thời gian xuất hiện.

- + Mực nước lũ trung bình.

- + Mực nước thấp nhất.

- + Mực nước lúc khảo sát.

- Xác định vị trí, chủng loại các công trình thoát nước dọc tuyến hiện tại (nếu có), kiểm tra xem công trình có đủ khả năng thoát nước hay không.

- Sơ bộ đánh giá về địa hình, địa chất, cây cối, nhà cửa, ao hồ... trong lưu vực tại các vị trí công trình thoát nước.

- Điều tra các công trình cầu, cống, hồ, đập,...(nếu có) ở thượng, hạ lưu công

trình..

#### **d. Khảo sát thủy văn cầu:**

##### **d.1. Điều tra thủy văn cầu:**

- Điều tra các cụm mực nước tại các vị trí cầu: Dự kiến mỗi vị trí cầu điều tra 3 cụm mực nước.

+ Mực nước lũ 3 năm lớn nhất, nguyên nhân và thời gian xuất hiện.

+ Mực nước lũ trung bình.

+ Mực nước thấp nhất.

+ Mực nước lúc khảo sát.

- Điều tra quá trình biến đổi bờ sông (tình hình xói lở), diễn biến lòng sông qua các thời kỳ tại vị trí xây dựng cầu, thượng và hạ lưu cầu.

- Sơ bộ đánh giá lớp địa chất lòng sông.

- Điều tra tình hình rác, cây trôi trên sông, suối (mức độ, đường kính thân cây lớn nhất...).

- Điều tra ảnh hưởng dềnh của sông lớn đến các vị trí cầu: Mực nước dềnh cao nhất, thời gian ngập dềnh, tốc độ dềnh lên và rút, xác định phạm vi ảnh hưởng của nước dềnh lên phía thượng lưu cầu.

**d.2. Đo mặt cắt thủy lực cầu:** (Các vị trí dự kiến cầu cần không thực hiện đo mặt cắt thủy lực)

- Đo vẽ mặt cắt ngang lưu lượng: Tỷ lệ dài 1/1000; cao 1/100.

+ Vị trí đo mặt cắt ngang lưu lượng: Toàn bộ lượng nước của sông phải thông qua mặt cắt đo vẽ; Mặt cắt ngang phải đều đặn, tốt nhất là có dạng hình lòng chảo; địa hình, địa vật lòng sông không có sự biến đổi đột ngột; Mặt cắt ngang phải vuông góc với hướng nước chảy khi có lũ lớn và không có hiện tượng nước tù, nước vật, nước xoáy.

+ Thiết bị, phương pháp đo vẽ tương tự như đo vẽ mặt cắt dọc tuyến.

+ Khối lượng thực hiện: Dự kiến mỗi cầu bố trí 02 mặt cắt ngang lưu lượng (thượng lưu và hạ lưu vị trí cầu). Phạm vi đo vẽ: Dự kiến từ mép suối (mó) về đầu và cuối tuyến mỗi bên 50m.

+ Trên mặt cắt ngang lưu lượng phải thể hiện được các nội dung sau: các mực nước điều tra, các cọc chi tiết, lòng chính, bãi và tình hình cây cỏ, địa chất ở lòng, bãi sông.

- Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông và mặt nước: Tỷ lệ dài 1/500; cao 1/50.

+ Việc lấy các điểm lòng sông cần phải lựa chọn sao cho phản ánh được đặc điểm của địa hình lòng sông.

+ Thiết bị, phương pháp đo vẽ tương tự như đo vẽ mặt cắt dọc tuyến.

+ Khối lượng thực hiện: Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L \leq 100\text{m}$ : Phạm vi đo vẽ từ tim cầu về thượng, hạ lưu mỗi bên 50m; Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L > 100\text{m}$ : Phạm vi đo vẽ từ tim cầu về thượng, hạ lưu mỗi bên 75m.

+ Trên mặt cắt dọc lòng sông và mặt nước phải thể hiện đầy đủ vị trí các mặt cắt ngang lưu lượng, vị trí mặt cắt tim cầu, đường mặt nước của các năm lũ điều tra.

### **d.3. Khảo sát thủy văn công trình thoát nước có chế độ thủy văn đặc biệt:**

Đối với công trình thoát nước có chế độ thủy văn đặc biệt được thực hiện theo các quy định tại điểm khoản 7.2.5.4 của TCCS 31:2020- TCĐBVN.

#### **1.3. Khảo sát địa chất:**

##### **a. Khảo sát địa chất nền đường:**

- Điều tra đo vẽ ĐCCT nền đường được tiến hành trên chiều rộng đo vẽ của phạm vi lập bình đồ tuyến, tỷ lệ bình đồ đo vẽ ĐCCT theo tỷ lệ bình đồ tuyến.

- Khoan thăm dò địa chất nền đường: Khoảng cách trung bình giữa các lỗ khoan dự kiến 1km, chiều sâu lỗ khoan 6m. Trong quá trình khoan tiến hành lấy mẫu để thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, cứ 02m khoan lấy 01mẫu. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng thí nghiệm của Công ty để tiến hành thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý. Thí nghiệm 70% số mẫu đất nguyên dạng tại mỗi tầng địa chất và thí nghiệm 30% số mẫu đất không nguyên dạng. Tại mỗi tầng đá (nếu lỗ khoan gặp đá) thì thí nghiệm 01 mẫu đá.

- Thí nghiệm sức chịu tải của đất nền (CBR): Tại mỗi lỗ khoan lấy 01 mẫu để thí nghiệm CBR.

##### **b. Khảo sát địa chất cầu:**

- Vị trí đặt lỗ khoan được ưu tiên vào vị trí đặt móng, trụ cầu dự kiến:

+ Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L \leq 100m$ : Mỗi cầu bố trí 02 lỗ khoan.

+ Đối với cầu có chiều dài toàn cầu  $L > 100m$ : Mỗi cầu bố trí 03 lỗ khoan.

- Dự kiến chiều sâu trung bình mỗi lỗ khoan là 30m/lỗ kết hợp với xuyên SPT, cao trình kết thúc lỗ khoan phải vào tầng địa chất ổn định chịu lực tốt. Trong quá trình khoan tiến hành lấy mẫu để thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, cứ 02m khoan lấy 01mẫu. Tại mỗi tầng đá trong lỗ khoan (nếu lỗ khoan gặp đá) dự kiến thí nghiệm 03 mẫu đá/lỗ để xác định các đặc trưng cơ lý.

- Đối với công tác khoan trên sông nước cần tìm hiểu các tài liệu về thủy văn, khí tượng và địa chất ở khu vực khoan.

- Yêu cầu công tác khoan:

+ Công tác khoan phải tuân theo tiêu chuẩn TCVN 9437:2012 - Khoan thăm dò địa chất công trình và các quy định hiện hành.

+ Sau khi hoàn thành, các lỗ khoan phải tiến hành đậy nắp, đánh dấu vị trí lỗ khoan ngoài thực địa và trên bình đồ để thuận lợi trong quá trình kiểm tra và nghiệm thu.

#### **1.4. Khảo sát nền, mặt đường cũ:**

Khảo sát đoạn Km32 - Km50+500 tuyến bám theo Quốc lộ 24 hiện trạng, dự kiến thiết kế tăng cường mặt đường:

- Điều tra đánh giá tình trạng nền mặt đường: Xác định các dạng hư hỏng mặt đường, phạm vi xuất hiện, khối lượng hư hỏng và được thể hiện trên bình đồ duỗi thẳng: Dự kiến 2 công/km.

- Đo cường độ mặt đường cũ bằng cần Benkelman theo Quy trình TCVN8867-2011. Các điểm đo bố trí so le, trường hợp kết cấu mặt đường xe chạy

và lề gia cố là đồng nhất, vị trí điểm đo nằm ở vệt xe chạy phía ngoài, cách mép mặt đường nhựa khoảng 0,6-1,2m. Cự ly đo rải đều trên tuyến với mật độ dự kiến 20 điểm đo/1km.

- Đào hố xác định kết cấu mặt đường cũ KT(0.5x0.5x0.7): Dự kiến 01 hố/1km.

### **1.5. Khảo sát mỏ vật liệu xây dựng, bãi thải:**

- Mỏ cát, đá: Thu thập bổ sung các tài liệu liên quan về chất lượng vật liệu hoặc lấy mẫu thí nghiệm để xác định chất lượng vật liệu, khả năng cung ứng, điều kiện vận chuyển, cự ly vận chuyển đến chân công trình, loại đường...

- Đối với mỏ đất: Điều tra mỏ đất đắp dọc theo tuyến hoặc trong khu vực gần vị trí xây dựng công trình để giảm cự ly vận chuyển. Công việc khảo sát bao gồm: Lập sơ đồ mỏ, đánh giá trữ lượng, điều kiện khai thác, điều kiện vận chuyển, cự ly vận chuyển, lấy mẫu thí nghiệm để đánh giá chất lượng, dự kiến tại mỗi vị trí mỏ lấy 01 mẫu thí nghiệm.

- Đối với bãi thải: Điều tra vị trí, cự ly, diện tích và trữ lượng có thể đổ thải vật liệu dư. Thể hiện rõ phạm vi và vị trí trên bản đồ.

### **1.6. Kiểm định cầu cũ:**

Mục đích kiểm định là căn cứ để đánh giá khả năng làm việc thực tế của kết cấu mô. Kiểm tra hiện trạng các bộ phận kết cấu, xác định các hư hỏng cần sửa chữa, khắc phục để đảm bảo điều kiện khai thác cho công trình. Từ kết quả kiểm định đánh giá khả năng chịu lực, độ an toàn khai thác của kết cấu thân và bộ móng, đưa ra các kiến nghị cũng như giải pháp thiết kế phù hợp:

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng móng cầu.

- Kiểm tra chất lượng bê tông kết cấu mô và dầm bằng phương pháp kết hợp siêu âm và súng bật nảy.

- Thử tải cầu cũ.

*Bảng thống kê cầu dự kiến cần kiểm định*

<b>TT</b>	<b>Tên cầu</b>	<b>Lý trình</b>	<b>Hiện trạng</b>
1	Cầu nước Lang	Km35+450,00	Ln=3x15m
2	Cầu La Khơ Lếch	Km74+859,00	Ln=1x21m

### **1.7. Khảo sát bay chụp phục vụ xây dựng mô hình BIM**

- Xử lý dữ liệu ảnh từ máy camera, máy quét 3D, kiểm tra chất lượng ảnh chụp, đánh giá chất lượng hình ảnh thông qua độ rõ nét hình ảnh, độ tương phản, điều kiện ánh sáng, bóng nắng, bóng mây che khuất, ... thông qua sử dụng phần mềm ảnh.

- Tạo và xử lý đám mây điểm dày đặc (Point cloud) từ kết quả khối ảnh, rà soát, loại bỏ các điểm giá trị độ cao đột biến so với khu vực xung quanh. Sử dụng đám mây điểm thành lập mô hình số bề mặt cho khu bay, thiết lập kích thước ô lưới theo tỷ lệ bản đồ cần thành lập (mô hình 3D lưới).

### **Khối lượng dự kiến:**

- + Thiết kế bay chụp, xác định ca bay trên bản đồ: 16 công
- + Xử lý dữ liệu ảnh 3D bay chụp: 73 công
- + Xử lý dữ liệu ảnh 3D bay chụp: 32 công
- + Tạo đám mây điểm và thành lập mô hình số bề mặt: 32 công
- + Thành lập bình đồ ảnh và tạo mô hình số độ cao (mô hình 3D): 32 công

### 3. Bảng tổng hợp khối lượng

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>A</b>	<b>KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT</b>		
<b>I</b>	<b>THU THẬP SỐ LIỆU</b>		
	<i>Thu thập bản đồ, mốc độ cao, mặt bằng nhà nước</i>		
1	Mua bản đồ 1/25.000	mảnh	6,00
2	Nhân công thu thập mốc độ cao nhà nước	mốc	3,00
3	Thu thập mốc mặt bằng nhà nước	mốc	4,00
	<i>Thu thập tình hình KTXH</i>		
4	Thu thập điều tra tình hình kinh tế xã hội	công	8,00
5	Thu thập số liệu lập tổng mức đầu tư	công	8,00
6	Làm việc thống nhất địa phương và cơ quan liên quan; thu thập hồ sơ tài liệu tuyến hiện trạng	công	50,00
<b>II</b>	<b>KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH</b>		
	<i>Khảo sát lưới khống chế mặt bằng và độ cao</i>		
7	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền hạng 4, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp III	điểm	6,00
8	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Máy toàn đạc điện tử, địa hình cấp III	điểm	86,50
9	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn hạng 4, địa hình cấp III	km	19,00
10	Công tác khống chế độ cao thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp III	km	19,00
11	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền hạng 4, Bộ thiết bị GPS (3 máy), địa hình cấp V	điểm	10,00
12	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Máy toàn đạc điện tử, địa hình cấp V	điểm	138,00
13	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn hạng 4, địa hình cấp V	km	29,40
14	Công tác khống chế độ cao thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp V	km	29,40
	<i>Khảo sát tuyến</i>		0,00
15	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/2000 đồng mức 2m, địa hình cấp III	ha	107,54
16	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến cũ ở trên cạn, địa hình cấp III (NC, M*1,1)	m	18.024,00
17	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn, địa hình cấp III	m	36.048,00

18	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/2000 đồng mức 2m, địa hình cấp V	ha	229,27
19	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến mới ở trên cạn, địa hình cấp V	m	28.562,00
20	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn, địa hình cấp V	m	114.248,00
	<b>Khảo sát cầu</b>		
21	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp III	ha	0,00
22	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp III	ha	0,00
23	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/500 đồng mức 0,5m, địa hình cấp III	ha	3,10
24	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/500 đồng mức 0,5m, địa hình cấp III	ha	1,26
25	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu mới ở trên cạn, địa hình cấp III	m	310,00
26	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu ở dưới nước, địa hình cấp III	m	126,00
27	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn, địa hình cấp III	m	930,00
28	Đo vẽ mặt cắt ngang cầu ở dưới nước, địa hình cấp III	m	378,00
29	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp V	ha	3,10
30	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp V	ha	2,64
31	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/500 đồng mức 0,5m, địa hình cấp V	ha	4,85
32	Đo vẽ bình đồ dưới nước tỷ lệ 1/500 đồng mức 0,5m, địa hình cấp V	ha	0,33
33	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu mới ở trên cạn, địa hình cấp V	m	795,00
34	Đo vẽ mặt cắt dọc tim cầu ở dưới nước, địa hình cấp V	m	297,00
35	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến ở trên cạn, địa hình cấp V	m	2.385,00
36	Đo vẽ mặt cắt ngang ở dưới nước, địa hình cấp V	m	891,00
	<b>Khảo sát nút giao</b>		0,00
37	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp III	ha	1,00
39	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 đồng mức 1m, địa hình cấp V	ha	1,00
<b>III</b>	<b>KHẢO SÁT THỦY VĂN</b>		0,00
39	Thu thập mua tài liệu khí tượng thủy văn	trạm	2,00
40	Điều tra thủy văn dọc tuyến	công	16,00
41	Điều tra thủy văn cầu	công	11,00
42	Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông và mực nước ở dưới nước, địa hình cấp III	m	500,00
43	Đo vẽ mặt cắt ngang lưu lượng ở trên cạn, địa hình cấp III	m	1.000,00
44	Đo vẽ mặt cắt ngang lưu lượng ở dưới nước, địa hình cấp III	m	252,00
45	Đo vẽ mặt cắt dọc lòng sông và mực nước ở dưới nước, địa hình cấp V	m	400,00

46	Đo vẽ mặt cắt ngang lưu lượng ở trên cạn, địa hình cấp V	m	600,00
47	Đo vẽ mặt cắt ngang lưu lượng ở dưới nước, địa hình cấp V	m	594,00
<b>IV</b>	<b>KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT</b>		0,00
	<i>Khảo sát địa chất nền đường</i>	<i>lỗ khoan</i>	48,00
48	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp I-III (Lỗ khoan rửa bằng dung dịch sét*1,05; không ống chống *0,85)	m	213,00
49	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp I-III	m	121,80
50	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp IV-VI (Lỗ khoan rửa bằng dung dịch sét*1,05; không ống chống *0,85)	m	75,00
51	Công tác bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp IV-VI	m	52,20
52	Thí nghiệm cơ lý hóa của mẫu đất nguyên dạng - (7 chỉ tiêu)	mẫu	101,00
53	Thí nghiệm cơ lý hóa của mẫu đất không nguyên dạng - (4 chỉ tiêu)	mẫu	43,00
54	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất (California Bearing Ratio)	chỉ tiêu	48,00
	<i>Khảo sát địa chất cầu</i>	<i>lỗ khoan</i>	0,00
55	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp I-III (Lỗ khoan rửa bằng dung dịch sét*1,05; không ống chống *0,85)	m	399,00
56	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp IV-VI (Lỗ khoan rửa bằng dung dịch sét*1,05; không ống chống *0,85)	m	114,00
57	Khoan xoay bơm rửa bằng ống mẫu ở trên cạn (sâu 0-30m), đất đá cấp VII-VIII (Lỗ khoan rửa bằng dung dịch sét*1,05; không ống chống *0,85)	m	57,00
58	Thí nghiệm cơ lý hóa của mẫu đất nguyên dạng - (7 chỉ tiêu)	mẫu	180,00
59	Thí nghiệm cơ lý hóa của mẫu đất không nguyên dạng - (4 chỉ tiêu)	mẫu	77,00
60	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu cơ lý của mẫu đá	mẫu	57,00
61	Thí nghiệm SPT, đất đá cấp I-III	lần	158,00
<b>V</b>	<b>KHẢO SÁT NỀN, MẶT ĐƯỜNG CŨ</b>		0,00
62	Đánh giá hiện trạng nền, mặt đường	công	37,00
63	Thí nghiệm đo modun đàn hồi bằng cần Benkenman	điểm	133,00
64	Đào không chống độ sâu từ 0-2m, đất đá cấp I-III (KT 0,5x0,5x0,7)	m <sup>3</sup>	3,33
<b>VI</b>	<b>KHẢO SÁT MỎ VẬT LIỆU</b>		0,00
65	Nhân công điều tra mỏ vật liệu (đất, cát, đá...) và bãi thải	công	8,00
66	Thí nghiệm cơ lý hóa của mẫu đất nguyên dạng - (7 chỉ tiêu)	mẫu	4,00
67	Thí nghiệm mẫu cát	mẫu	4,00
68	Thí nghiệm mẫu đá	mẫu	4,00

69	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất (California Bearing Ratio)	mẫu	6,00
<b>VII</b>	<b>KIỂM ĐỊNH CẦU</b>		0,00
70	Kiểm định cầu	cầu	2,00
B	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Khoản	1
C	Chi phí lập mô hình thông tin công trình (Bim)	Khoản	1

### 1. Quy định về giá dự thầu:

- Về giải pháp tiết kiệm khi đấu thầu: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại Thông báo số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025 của Văn phòng Chính phủ, theo đó yêu cầu: “*Các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện nghiêm tiết kiệm cắt ngay khi phân bổ ngân sách dự toán năm 2026 từ đầu năm 5% chi đầu tư theo đúng kết luận của Ban chấp hành Trung ương Đảng về kinh tế – xã hội năm 2025 – 2026 và thực hiện giải pháp tiết kiệm 5% khi chỉ định thầu, đấu thầu dự án*”.

Do vậy, để thực hiện giải pháp tiết kiệm khi đấu thầu, chủ đầu tư đề nghị các nhà thầu thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại Thông báo số 9886/VPCP-KTTH ngày 13/10/2025; nghiên cứu và xác định giá dự thầu cho phù hợp; khuyến khích nhà thầu áp dụng các giải pháp công nghệ, sáng kiến cải tiến để tối ưu hóa các chi phí khi chào thầu hoặc tự nguyện giảm giá.

- Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá trị giảm giá lớn hơn 20% giá gói thầu thì nhà thầu phải giải thích, làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu và các chi phí cấu thành giá dự thầu.

**5. Số lượng hồ sơ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, mô hình thông tin công trình (BIM) giao nộp:** 05 hồ sơ khảo sát, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, 01 mô hình thông tin công trình (BIM) kèm theo file dữ liệu lưu trữ dạng đám mây (hoặc tương đương).

### 6. Thời gian, tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện gói thầu: **45 ngày** (thời gian này bao gồm các ngày nghỉ lễ, chủ nhật; không bao gồm thời gian chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, chủ đầu tư, thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

- Tiến độ chi tiết như sau:

+ Hồ sơ khảo sát: Nhà thầu phải nộp hoàn thiện hồ sơ khảo sát trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

+ Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập mô hình thông tin công trình (BIM): Nhà thầu phải nộp hoàn thiện hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập mô hình thông tin công trình (BIM) bước Thiết kế cơ sở trong vòng 45 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

+ Hồ sơ lập mô hình thông tin công trình (BIM) trong quá trình thi công: Nhà thầu tư vấn BIM cập nhật xuyên suốt quá trình thi công cho đến khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

- Thời gian bắt đầu thực hiện: Thực hiện ngay sau khi hợp đồng Tư vấn có hiệu lực.

## **7. Điều chỉnh giá hợp đồng:**

### **7.1. Đối với khối lượng khảo sát:**

- Khi điều chỉnh bổ sung khối lượng phải được Chủ đầu tư phê duyệt làm cơ sở để điều chỉnh giá trị hợp đồng, việc điều chỉnh hợp đồng được thực hiện như sau:

+ Đối với khối lượng điều chỉnh bổ sung đã có đơn giá trong hợp đồng thì giá hợp đồng được điều chỉnh bổ sung theo đơn giá cho các hạng mục công việc tương ứng ghi trong hợp đồng.

+ Đối với khối lượng điều chỉnh bổ sung chưa có đơn giá trong hợp đồng thì đơn giá mới được các bên tham gia thỏa thuận, thống nhất trên cơ sở đơn giá xác định theo Thông tư hướng dẫn về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng và giám giá bằng tỷ lệ giảm giá theo giá trị trúng thầu của nhà thầu và các thỏa thuận trong hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn phải thực hiện phần khối lượng điều chỉnh này mà không được từ chối.

- Thay đổi điều chỉnh giảm khối lượng khảo sát do thay đổi quy mô, phạm vi khảo sát, các khối lượng dự kiến nhưng không thực hiện, cắt giảm khối lượng công việc hoặc hạng mục thuộc phạm vi công việc phải thực hiện theo Hợp đồng đã ký kết thì giá hợp đồng phải giảm tương ứng với phần giá trị khối lượng công việc không thực hiện.

**7.2. Đối với chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:** Giá trị chi phí xây dựng trước thuế để nhà thầu tính toán chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi là X đồng.

- Trường hợp Giá trị chi phí xây dựng trước thuế được duyệt Y đồng nhỏ hơn X đồng, khi thanh toán cho nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ trừ đi một khoản kinh phí như sau:  $(X \times a\%) - (Y \times b\%)$ . Trong đó:

+ Y là giá trị chi phí xây dựng trước thuế được duyệt.

+ a là tỷ lệ % lập Báo cáo nghiên cứu khả thi tương ứng với X theo quy định của nhà nước.

+ b là tỷ lệ % lập Báo cáo nghiên cứu khả thi tương ứng với Y theo quy định của nhà nước.

- Trường hợp Giá trị chi phí xây dựng trước thuế được duyệt Y đồng lớn hơn X đồng thì thanh toán X đồng, nhà thầu chỉ được thanh toán phần tăng thêm khi khối lượng công việc bổ sung tư vấn phải thực hiện nằm ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký.

- Trường hợp Chủ đầu tư; Các cơ quan Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện dự toán được phê duyệt có sai sót, phải giám trừ, Chủ đầu tư sẽ giám trừ vào giá trị hợp đồng tùy theo trường hợp cụ thể do Chủ đầu tư quyết định.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

#### **1. Báo cáo**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đơn vị Tư vấn phải lập chương trình kế hoạch báo cáo các công việc thực hiện, các vướng mắc cần xin chủ trương ý kiến thống nhất của các cơ quan đơn vị có thẩm quyền xem xét, các báo cáo và hồ sơ hoàn chỉnh tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Tư vấn sẽ nộp 05 hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát; 05 hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và toàn bộ file mềm kèm theo.

Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

#### **2. Thời gian thực hiện**

**Thời gian thực hiện dịch vụ tư vấn tối đa là 45 ngày.**

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Nhà thầu cần tập trung chọn các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm để thực hiện gói thầu bảo đảm tốt nhất về chất lượng và tiến độ.

Bố trí nhân sự chủ chốt gồm các chủ nhiệm, chủ trì, các kỹ sư khảo sát, thiết kế, dự toán bảo đảm đáp ứng tối đa theo tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Chương III của HSMT.

- Quy định về nhân sự:

+ Trong vòng 05 năm gần đây: Chưa từng vi phạm các quy định liên quan công tác lựa chọn nhà thầu dẫn đến việc bị cơ quan chức năng nhà nước áp dụng hình thức cảnh cáo trở lên; (ii) chưa từng bị cơ quan quản lý áp dụng hình thức kỷ luật, đình chỉ hành nghề; (iii) chưa có lịch sử cung cấp dịch vụ tư vấn với chất lượng kém hoặc không hoàn thành hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại Chủ đầu tư;

**+ Đối với nhân sự không thuộc quản lý của Nhà thầu mà đi thuê, yêu cầu có văn bản chấp thuận và cam kết từ Đơn vị chủ quản của nhân sự về việc để nhân sự tham gia thực hiện dịch vụ tư vấn đầy đủ thời gian huy động khi Nhà thầu trúng thầu.**

### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

Cung cấp các tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.